

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch

Căn cứ Công văn số 6936/STP-HCBTTP ngày 16/9/2026 của Sở Tư pháp tỉnh An Giang về báo cáo tình hình thực hiện Thông tư số 281/2016/TT-BTC. UBND xã Vĩnh Phong báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Tình hình tổ chức thực hiện

Thực hiện Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, UBND xã đã tổ chức triển khai, quán triệt các quy định về thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch đến công chức được giao thực hiện công tác hộ tịch và các cá nhân có liên quan.

Việc thực hiện thu phí được gắn với quá trình tiếp nhận, giải quyết yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch; bảo đảm việc thu đúng đối tượng, đúng mức thu, thực hiện công khai và quản lý, sử dụng nguồn thu theo quy định.

2. Kết quả thu phí

Năm	Số lượt yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin	Số tiền phí phải thu	Số tiền phí thực thu	Số tiền được để lại	Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước
2023	2296	91.840.000	91.840.000	0	91.840.000
2024	2220	88.800.000	88.800.000	0	88.800.000
2025	2558	102.320.000	102.320.000	0	102.320.000
2026	1496	59.840.000	59.840.000	0	59.840.000

II. ĐÁNH GIÁ VỀ MỨC THU PHÍ HIỆN HÀNH

1. Đánh giá sự phù hợp của mức thu

Trong quá trình triển khai thực hiện, mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC cơ bản phù hợp với tính chất, phạm vi và yêu cầu của việc cung cấp thông tin hộ tịch cho tổ chức, cá nhân. Mức thu 8.000 đồng/bản sao trích lục được quy định thống nhất, cách tính đơn giản, dễ thực hiện, thuận lợi trong quá trình thu phí về tiếp nhận và giải quyết yêu cầu của người dân.

Mức thu hiện hành nhìn chung không tạo gánh nặng cho người dân, đồng thời góp phần bù đắp một phần chi phí phục vụ việc khai thác, cung cấp thông tin từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch. Việc quy định mức thu theo từng bản sao trích lục cũng thuận lợi cho việc xác định số tiền phải thu và kiểm tra, đối chiếu số thu.

Tuy nhiên, Thông tư số 281/2016/TT-BTC được ban hành từ năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Trong thời gian qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng và khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử ngày càng được đẩy mạnh, phương thức cung cấp thông tin có nhiều thay đổi so với thời điểm ban hành Thông tư. Vì vậy, cần tiếp tục rà soát mức thu để bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, chi phí quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu và chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2. Những khó khăn, vướng mắc

Nhìn chung, việc thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch tại địa phương cơ bản được triển khai theo quy định. Tuy nhiên, quá trình thực hiện còn một số khó khăn như sau:

a. Về đối tượng nộp phí

Theo quy định, cơ quan, tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch phải nộp phí. Trong thực tế triển khai, việc xác định đối tượng phải nộp phí trong một số trường hợp còn gặp khó khăn, nhất là đối với các yêu cầu khai thác thông tin hộ tịch phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc phục vụ yêu cầu của cơ quan, tổ chức khác.

Một số trường hợp cơ quan, tổ chức đề nghị cung cấp, khai thác thông tin để phục vụ nhiệm vụ chuyên môn nhưng chưa xác định rõ trường hợp này thuộc diện nộp phí hay thuộc trường hợp được miễn, không phải nộp phí theo quy định pháp luật có liên quan. Điều này dẫn đến công chức tiếp nhận phải giải thích, trao đổi và kiểm tra căn cứ trước khi thực hiện thu.

b. Về phương thức thu, nộp phí

Đối với các trường hợp người dân thực hiện yêu cầu trực tiếp tại Trung tâm, Phục vụ Hành chính công, việc xác định số phí phải thu tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, đối với hồ sơ thực hiện trực tuyến hoặc yêu cầu khai thác thông tin được tiếp nhận, xử lý trên hệ thống điện tử, việc xác định thời điểm thu, phương thức thanh toán, đối chiếu số tiền đã thu với từng hồ sơ có thể phát sinh khó khăn nếu hệ thống chưa tích hợp đầy đủ chức năng thu phí và đối soát.

Ngoài ra, mức phí được xác định theo số lượng bản sao trích lục đã đăng ký nên công chức phải bảo đảm việc xác định chính xác số lượng thông tin, bản sao được cung cấp để làm căn cứ thu. Việc đối chiếu giữa hồ sơ yêu cầu, kết quả giải quyết và số tiền thực tế thu cần được thực hiện thường xuyên.

c. Về quản lý và sử dụng tiền phí

Nguồn thu phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch thường không lớn, trong khi việc tổ chức thu, lập chứng từ, theo dõi, kê khai, nộp

và quyết toán vẫn phải thực hiện đầy đủ theo quy định. Điều này làm phát sinh một số công việc quản lý hành chính tương đối lớn.

Bên cạnh đó, phần phí thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước 100%, không được để lại để phục vụ trang trải chi phí phục vụ cho chuyên môn như: mua biểu mẫu hộ tịch, văn phòng phẩm...

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Từ những khó khăn nêu trên, UBND xã Vĩnh Phong kiến nghị Sở Tư pháp có ý kiến đối với Bộ Tài chính một số nội dung sau:

- Về mức thu phí: Đề nghị xây dựng mức thu mới bảo đảm phù hợp với chi phí thực tế, phương thức cung cấp thông tin trong môi trường điện tử và khả năng chi trả của người dân.

- Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

+ Quy định cụ thể, thống nhất về đối tượng phải nộp phí, trường hợp được miễn hoặc không phải nộp phí, nhất là đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khai thác thông tin hộ tịch để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

+ Đơn giản hóa thủ tục kê khai, nộp và quyết toán đối với khoản phí có số thu nhỏ.

+ Quy định rõ tỷ lệ được để lại cho cơ quan thu phí và nội dung chi từ nguồn phí được để lại, bảo đảm phù hợp với chi phí thực tế phục vụ việc tiếp nhận, khai thác, cung cấp thông tin hộ tịch và quản lý khoản thu.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Thông tư số 281/2016/TT-BTC của UBND xã Vĩnh Phong. 

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- CT và PCT UBND xã;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, ltnbich.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Châu Ngọc Cẩn